

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67/2020/HS-ST**

Ngày 25/11/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Phan Thanh Tùng**

2/ Ông **Dương Quốc Dũng**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà **Trần Thị Tuyết Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 65/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

01/ **Trần Văn L**, sinh ngày 01/01/2000 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp AT, xã ĐA, huyện GQ, KG; Trình độ văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: Ngư phủ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Danh Đ; sinh năm 1973 và bà Trần Thị Th; sinh năm 1981; Tiền sự: Không.

Tiền án có 01 tiền án: Vào ngày 16/01/2019 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2019/HS-ST ngày 16/01/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2020, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2/ **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 24/6/2001 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Không có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; Chỗ ở hiện nay: ấp BX 2, xã ĐH, huyện AM, KG; Trình độ văn hóa: 01/12; Nghề nghiệp: Ngư phủ; Quốc tịch: Việt

Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Thanh Nh; sinh năm 1977 và bà Đoàn Thị L1; sinh năm 1975; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2020 cho đến ngày 30/9/2020 bị cáo được cho bảo lãnh tại ngoại để điều tra, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Anh **Danh C**, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Trú tại: KP. MA, TT. ML, CT-KG

Người làm chứng:

01/ Anh **Nguyễn Minh Tr**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Trú tại: ấp TL, xã TĐ A, TH, KG

02/ Anh **Phan Văn K**, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Trú tại: KP. TC, P. VH, TP. RG, KG

03/ Ông **Nguyễn Quốc T1**; sinh năm 1975 (vắng mặt)

04/ Anh **Trần Văn H**; sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng trú tại: ấp VT B, xã VHH, CT, KG

05/ Anh **Danh H1**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Trú tại: ấp CR, xã TB, huyện GR, KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 24/6/2020 Danh H1 (H1 Đen), sinh năm 1985, trú ấp CR, xã TB, huyện GR, KG chở Danh C (Cu Ch), sinh năm 1994, trú khu phố Minh An, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đến nhà riêng của Lâm L2, sinh năm 1985, trú ấp Vĩnh Phú, xã Vĩnh H1 Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang để nhờ L2 đưa C đi ghe biển (vì C thiếu tiền của H1 và C muốn đi ghe biển để trừ tiền nợ) thì L2 đồng ý. L2 kêu Dư Phước T2, sinh năm 1988, trú ấp BQ, xã HA, CM, AG và Trần Văn L chở C về nhà của L2 thuê ở kênh Kha Ma thuộc ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang để cho C ở chờ đi ghe biển. Khi về căn nhà này anh C ở cùng với L và Nguyễn Thanh T, Nguyễn Minh Tr, Vũ Văn H và Phan Văn K ở chung nhà của L2 thuê trước đó.

Đến khoảng 15 giờ, ngày 25/6/2020 sau khi tổ chức nhậu tại căn nhà thuê thì giữa Trần Văn L, Nguyễn Thanh T xảy ra mâu thuẫn với C do C không chịu đi ghe biển nữa. Lúc này, C và T đánh nhau bằng tay rồi C bỏ chạy ra khỏi nhà thì bị L và T đuổi theo bắt lại. T và L dùng tay đánh C nhiều cái rồi lôi vào trong nhà dùng 02 ổ khóa, khóa cửa nhốt C ở bên trong rồi cả 02 đi đến nhà của L2. Khi đi được một

đoạn T và L nhớ lại còn có 03 cây dao tự chế và một số hung khí để ở phía sau nhà, do sợ C dùng hung khí trên để đập phá đồ trong nhà nên T và L quay lại vào nhà bằng cửa sau lấy số hung khí trên. Trong khi lấy hung khí L nhìn thấy C nằm ở dưới sàn nhà nên L cầm lấy 01 cây dao dùng bề sóng chém C nhiều cái vào người C, do bề sóng dao không bén nên không gây thương tích cho C. Sau đó, L và T tiếp tục để C ở trong nhà rồi khóa cửa lại. Lúc này, có lực lượng Công an đến bắt quả tang T và L đưa về trụ sở, qua làm việc T và L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo L có 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm. Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Việc thu giữ tài liệu và xử lý vật chứng: 01 cây dao tự chế có chiều dài 84,5cm, lưỡi dao làm bằng kim loại màu trắng có chiều dài 64cm, chiều rộng nhất 3.5cm, mũi bầu, sắc một bề, cán dao quấn vải màu trắng và dây đen có chiều dài 20,5cm; 01 cây dao tự chế dài 74cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 55cm, chiều rộng 3,5cm, mũi bầu, sắc một bề, cán dao làm bằng kim loại có dạng hình trụ tròn màu trắng dài 19cm; 01 cây dao tự chế dài 65cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 42cm, chiều rộng 04cm, mũi bầu, sắc một bề, cán dao làm bằng kim loại có dạng hình trụ tròn, có hoa văn rạch chéo dài 13cm; 01 thanh kim loại màu trắng dài 64cm, chiều rộng 04cm, có mũi bầu; 01 thanh kim loại màu trắng dài 72cm, chiều rộng 05cm, có mũi bầu; 01 ổ khóa làm bằng kim loại màu đen phía trên ổ khóa có chữ “Souable circle”; 01 ổ khóa làm bằng kim loại màu vàng, phía trên ổ khóa có chữ MAXPRO SECURITY; 01 Cha khóa làm bằng kim loại màu trắng có chữ MAXPRO và 01 Cha khóa làm bằng kim loại màu đen.

Hướng xử lý vật chứng áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 cây dao tự chế có chiều dài 84,5cm, lưỡi dao làm bằng kim loại màu trắng có chiều dài 64cm, chiều rộng nhất 3.5cm, mũi bầu, sắc một bề, cán dao quấn vải màu trắng và dây đen có chiều dài 20,5cm; 01 cây dao tự chế dài 74cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 55cm, chiều rộng 3,5cm, mũi bầu, sắc một bề, cán dao làm bằng kim loại có dạng hình trụ tròn màu trắng dài 19cm; 01 cây dao tự chế dài 65cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 42cm, chiều rộng 04cm, mũi bầu, sắc một bề, cán dao làm bằng kim loại có dạng hình trụ tròn có hoa văn rạch chéo dài 13cm; 01 thanh kim loại màu trắng dài 64cm, chiều rộng 04cm, có mũi bầu; 01 thanh kim loại màu

trắng dài 72cm, chiều rộng 05cm, có mũi bầu; 01 ổ khóa làm bằng kim loại màu đen phía trên ổ khóa có chữ “Souable circle”; 01 Cha khóa làm bằng kim loại màu đen; 01 ổ khóa làm bằng kim loại màu vàng, trắng phía trên ổ khóa có chữ MAXPRO SECURITY; 01 Cha khóa làm bằng kim loại màu trắng có chữ MAXPRO và 01 Cha khóa làm bằng kim loại màu đen.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Danh C không yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét.

Đối với Lâm L2 có hành vi kêu L và T trông chừng C, tuy nhiên qua làm việc L2 không thừa nhận kêu L và T bắt, giữ C và sự việc xảy ra L2 bỏ địa phương đi đâu không rõ. Cơ quan điều tra chưa triệu tập được L2 làm việc để củng cố thêm chứng cứ để xử lý đối tượng L2. Do đó, đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra xác minh làm rõ hành vi của đối tượng L2.

Đối với các vết thương L và T đánh Danh C do thương tích nhẹ nên C không yêu cầu giám định thương tích và không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

Tại bản cáo trạng số: 70/CT-VKS-CT ngày 07/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Trần Văn L và Nguyễn Thanh T về tội: “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo Trần Văn L và Nguyễn Thanh T phạm tội: “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Và đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Văn L** từ 09 đến 12 tháng tù.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T** từ 06 đến 09 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu tiêu hủy 01 cây dao tự chế có chiều dài 84,5cm, lưỡi dao làm bằng kim loại màu trắng có chiều dài 64cm, chiều rộng nhất 3.5cm, mũi bầu, sắc một bề, cán dao quấn vải màu trắng và dây đen có chiều dài 20,5cm; 01 cây dao tự chế dài 74cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 55cm, chiều rộng 3,5cm, mũi bầu, sắc một bề, cán dao làm bằng kim loại có dạng

hình trụ tròn màu trắng dài 19cm; 01 cây dao tự chế dài 65cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 42cm, chiều rộng 04cm, mũi bầu, sắc một bề, cán dao làm bằng kim loại có dạng hình trụ tròn có hoa văn rạch chéo dài 13cm; 01 thanh kim loại màu trắng dài 64cm, chiều rộng 04cm, có mũi bầu; 01 thanh kim loại màu trắng dài 72cm, chiều rộng 05cm, có mũi bầu; 01 ổ khóa làm bằng kim loại màu đen phía trên ổ khóa có chữ “Souable circle”; 01 Cha khóa làm bằng kim loại màu đen; 01 ổ khóa làm bằng kim loại màu vàng, trắng phía trên ổ khóa có chữ MAXPRO SECURITY; 01 Cha khóa làm bằng kim loại màu trắng có chữ MAXPRO và 01 cây Cha khóa làm bằng kim loại màu đen.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Các bị cáo được nói lời nói sau cùng, các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay KH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản Cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Vào khoảng 16 giờ, ngày 24/6/2020 anh Danh H1 điều khiển xe mô tô chở anh Danh C đến nhà của Lâm L2 để cho anh C hỏi đi ghe biển lấy tiền trả nợ cho anh H1 thì được L2 đồng ý. Sau đó, L2 nhờ Dư Phước T2 và Trần Văn L chở C đến căn nhà L2 thuê ở kênh “Kha Ma” trú tại ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang để cho C ở chờ đi ghe biển cùng với L, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Minh Tr, Vũ Văn H và Phan Văn K. Đồng thời L2 kêu L và T trông chừng C, khi nào đưa C xuống ghe đi biển sẽ cho huê hồng. Đến khoảng 15 giờ, ngày 25/6/2020

L cùng T, Tr, H, K và C tổ chức nhậu, sau khi nhậu xong thì giữa C với T xảy ra mâu thuẫn dẫn đến đánh nhau do C dỗi ý không đi ghe biển cho L2 nữa. Trong lúc đánh nhau, C liền bỏ chạy thì bị T và L rượt đuổi theo bắt C lại lôi vào phòng trọ rồi dùng tay và dùng bề sóng của cây dao tự chế đánh và chém vào người Trí. Sau đó, cả hai dùng ổ khóa, khóa cửa lại định đi đến nhà L2 thì bị Công an phát hiện và bắt quả tang.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự thì “*Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”. Đối với quy định nêu trên thì hành vi của các bị cáo L và T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” được quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự như đã viện dẫn như trên.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những đã trực tiếp xâm hại đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang lo sợ cho các ngư dân sinh sống bằng nghề đi ngư phủ. Các bị cáo là người trưởng thành nên có đầy đủ năng lực, nhận thức được việc bắt, giữ người là hành vi sai trái nên pháp luật nghiêm cấm. Thế nhưng khi được Lâm L2 kêu 02 bị cáo canh giữ anh C đừng để anh C bỏ trốn, khi nào đưa anh C xuống ghe đi biển sẽ cho huê hồng. Lẽ ra khi nghe được đề xuất trên là sai trái và vi phạm pháp luật các bị cáo phải từ chối và khuyên ngăn L2. Thế nhưng chỉ vì hám lợi các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý làm theo yêu cầu của L2 trông giữ anh C, khi anh C không đồng ý đi ghe biển và bỏ chạy các bị cáo liền đuổi theo bắt anh C lại, đồng thời còn đánh đập và dùng ổ khóa, khóa cửa nhốt anh C vào phòng trọ không cho anh C tự do đi lại. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những tiếp tay tạo điều kiện cho các đối tượng xấu có cơ hội bóc lột sức lao động của các ngư phủ mà đây còn là nguyên nhân gây bất an cho người dân và gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng:

4.1 Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

4.2 Đối với bị cáo L thì vào năm 2019 bản thân bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ, về tội “Trộm cắp tài sản” đến ngày 24/6/2020 bị cáo vẫn chưa chấp hành xong hình phạt mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, trong lần phạm tội này bị cáo bị

áp dụng thêm 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và cần tổng hợp hình phạt đối với bị cáo mới là phù hợp.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được áp dụng chung tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo L là người dân tộc thiểu số nên việc am hiểu pháp luật phần nào bị hạn chế nên cần xem xét áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo T là người có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Với các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, HĐXX nghị án sẽ cân nhắc, xem xét hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình là phù hợp.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra người bị hại anh Danh C không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì. Tuy nhiên, đến giai đoạn xét xử mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh C vẫn vắng mặt và không có ý kiến hay yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[8] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Đối với 01 cây dao tự chế có chiều dài 84,5cm, lưỡi dao làm bằng kim loại màu trắng có chiều dài 64cm, chiều rộng nhất 3.5cm, mũi bầu, sắc một bề, cán dao quấn vải màu trắng và dây đen có chiều dài 20,5cm; 01 cây dao tự chế dài 74cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 55cm, chiều rộng 3,5cm, mũi bầu, sắc một bề, cán dao làm bằng kim loại có dạng hình trụ tròn màu trắng dài 19cm; 01 cây dao tự chế dài 65cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 42cm, chiều rộng 04cm, mũi bầu, sắc một bề, cán dao làm bằng kim loại có dạng hình trụ tròn có hoa văn rạch chéo dài 13cm; 01 thanh kim loại màu trắng dài 64cm, chiều rộng 04cm, có mũi bầu; 01 thanh kim loại màu trắng dài 72cm, chiều rộng 05cm, có mũi bầu; 01 ổ khóa làm bằng kim loại màu đen phía trên ổ khóa có chữ “Souable circle”; 01 Cha khóa làm bằng kim loại màu đen; 01 ổ khóa làm bằng kim loại màu vàng, trắng phía trên ổ khóa có chữ MAXPRO SECURITY; 01 Cha khóa làm bằng kim loại màu trắng có chữ MAXPRO và 01 cây Cha khóa làm bằng kim loại màu đen đây là vật chứng thu giữ trong vụ án đến nay không còn giá trị sử dụng nên cần xử tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[9] Về án phí: Xử buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội: “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

1/ Xử phạt bị cáo **Trần Văn L 09** (Cn) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 26/6/2020.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội: “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

2/ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T 06** (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam trước từ 26/6/2020 cho đến ngày 30/9/2020.

Về biện pháp tư pháp áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu tiêu hủy 01 cây dao tự chế có chiều dài 84,5cm, lưỡi dao làm bằng kim loại màu trắng có chiều dài 64cm, chiều rộng nhất 3.5cm, mũi bầu, sắc một bề, cán dao quấn vải màu trắng và dây đen có chiều dài 20,5cm; 01 cây dao tự chế dài 74cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 55cm, chiều rộng 3,5cm, mũi bầu, sắc một bề, cán dao làm bằng kim loại có dạng hình trụ tròn màu trắng dài 19cm; 01 cây dao tự chế dài 65cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 42cm, chiều rộng 04cm, mũi bầu, sắc một bề, cán dao làm bằng kim loại có dạng hình trụ tròn có hoa văn rạch chéo dài 13cm; 01 thanh kim loại màu trắng dài 64cm, chiều rộng 04cm, có mũi bầu; 01 thanh kim loại màu trắng dài 72cm, chiều rộng 05cm, có mũi bầu; 01 ổ khóa làm bằng kim loại màu đen phía trên ổ khóa có chữ “Souable circle”; 01 Cha khóa làm bằng kim loại màu đen; 01 ổ khóa làm bằng kim loại màu vàng, trắng phía trên ổ khóa có chữ MAXPRO SECURITY; 01 Cha khóa làm bằng kim loại màu trắng có chữ MAXPRO và 01 cây Cha khóa làm bằng kim loại màu đen.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số: 42/QĐ-VKSCT ngày 07/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

Về áp phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc các bị cáo Trần Văn L và Nguyễn Thanh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo và bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Thanh Phong